

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/DS-ST.

Ngày: 28-9-2021.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thái.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Ngọc Đình.

Ông Đặng Văn Bé.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy - Thẩm phán Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 157/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2020, về việc: “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 6 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 30/2021/QĐST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Huỳnh Kim D, sinh năm: 1989. Địa chỉ: Số 95/7 đường Đ, khu phố 3, thị trấn T, huyện C, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Phương D, sinh năm: 1969. Địa chỉ: Số 2/21, khu 2, Ô2, thị trấn T, huyện T, tỉnh L. Theo hợp đồng ủy quyền ngày 26/10/2020. Có mặt.

- Bị đơn:

1/ Bà Võ Thị Ánh H, sinh năm: 1971. Địa chỉ: Số 207/7 ấp Th, xã Th, huyện C, tỉnh L. Có mặt.

2/ Bà Lê Thị Hồng C, sinh năm: 1990

3/ Ông Lê Hoài N, sinh năm: 1995

Cùng địa chỉ: Số 207/7 ấp Th, xã Th, huyện C, tỉnh L.

Bà C, ông N ủy quyền cho bà Võ Thị Ánh H theo các giấy ủy quyền ngày 27/9/2021.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn T, sinh năm: 1967. Địa chỉ: Số 207/7 ấp Th, xã Th, huyện C, tỉnh L. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/9/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/02/2021 của nguyên đơn bà Lê Huỳnh Kim D và những lời khai trình tại tòa bà Đoàn Thị Phương D là đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Bà Lê Huỳnh Kim D có cho bà Võ Thị Ánh H vay nhiều lần, trong đó lần 1 bà D cho bà H vay 01 cây vàng 24K, trị giá 50.000.000 đồng, lần 2 đưa tiền mặt 3.000.000 đồng, lần 3 đưa tiền mặt 20.000.000 đồng, ngoài ra trong tháng 2/2020 còn đưa các lần khác với tổng số tiền là 19.000.000 đồng nhưng không nhớ chính xác ngày đưa và không có lập biên nhận, tổng cộng bà H đã vay của bà D 92.000.000 đồng. Ngày 18/5/2020 bà H có viết giấy nợ với bà D số nợ vốn vay là 92.000.000 đồng, thời hạn trả trong vòng 05 tháng đến ngày 18/10/2020, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 1% tháng, mục đích vay để bà H chi tiêu gia đình. Đến hạn trả nợ, bà D nhiều lần yêu cầu bà H thanh toán nợ nhưng bà H không thanh toán.

Nay bà Lê Huỳnh Kim D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị Ánh H, cùng hai người con là Lê Thị Hồng C, Lê Hoài N và chồng bà H là ông Lê Văn T phải liên đới trả cho bà D số tiền vốn vay 92.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Bà Võ Thị Ánh H là bị đơn trình bày: Qua yêu cầu khởi kiện của bà D, bà xác định bà có vay của bà D 01 cây vàng 24K và 3.000.000 đồng (thành tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 30%/ tháng), 20.000.000 đồng tiền mặt, lãi suất 15%, tổng cộng bà có vay của bà D số tiền là 70.000.000 đồng. Đây là số tiền vay nhằm mục đích trả tiền vay cho Th con bà M, việc vay tiền trả cho bà Th, bà D biết nên mục đích vay không phải là chi tiêu gia đình như nguyên đơn trình bày.

Số tiền 92.000.000 đồng bà ký giấy nhận nợ với bà D là tổng tiền vốn vay 70.000.000 đồng và 22.000.000 đồng tiền lãi mà bà D ép buộc bà ký giấy nhận nợ.

Từ ngày 18/5/2020 đến ngày 21/8/2020 bà đã trả tiền lãi cho bà D 28.000.000 đồng của số tiền vốn vay 70.000.000 đồng. Nay bà đồng ý trả cho bà D số tiền vốn vay là 70.000.000 đồng, nhưng bà yêu cầu được khấu trừ tiền lãi đã trả 28.000.000 đồng vào tiền vốn còn nợ.

Bà Lê Thị Hồng C là đồng bị đơn tại phiên hoà giải ngày 26/3/2021 trình bày: Bà có ký tên vào giấy nợ do bà D cung cấp cho Tòa án nhưng gia đình bà không có nhận số tiền 92.000.000 đồng mà chỉ có nhận tổng cộng là 70.000.000 đồng và gia đình bà đã trả lãi cho bà D số tiền 28.000.000 đồng. Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà D, bà không đồng ý vì gia đình bà chỉ có nợ bà D 70.000.000 đồng vay, bà yêu cầu Tòa án khấu trừ tiền lãi đã trả 28.000.000 đồng vào tiền vốn còn nợ.

Ông Lê Hoài N là đồng bị đơn uỷ quyền cho bà H nên không có lời trình bày.

Ông Lê Văn T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Ông không biết số nợ vay của bà H với bà D nhưng vì là vợ chồng nên ông đồng ý cùng

bà H liên đới trả bà D 70.000.000 đồng vốn vay, yêu cầu khấu trừ tiền lãi đã trả vào vốn như trình bày của bà H.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Qua các chứng cứ thể hiện tại hồ sơ và diễn biến tại phiên toà, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn và người có liên quan phải liên đới hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 92.000.000 đồng tiền gốc vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Qua lời khai trình của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà Lê Huỳnh Kim D với bà Võ Thị Ánh H, Lê Thị Hồng C, Lê Hoài N và ông Lê Văn T có phát sinh tranh chấp hợp đồng vay tài sản, có lãi; việc tranh chấp và thẩm quyền giải quyết được quy định tại các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý, giải quyết theo quy định.

[2] Xét thấy bà H thừa nhận chữ viết trong giấy nhận nợ đề ngày 15/8/2020 là chữ viết và chữ ký của bà, nhưng bà và các đồng bị đơn, người có liên quan khai trình bà H chỉ vay của bà D số nợ vốn là 70.000.000 đồng, bà D đã tính số tiền lãi là 22.000.000 đồng, nên đã ép buộc bà viết giấy nhận nợ là 92.000.000 đồng, bà H đã trả lãi được 28.000.000 đồng, nhưng các bị đơn và người liên quan không xuất trình được chứng cứ gì về số nợ vốn vay là 70.000.000 đồng và tiền lãi bà H đã trả cho bà D 28.000.000 đồng, đại diện của nguyên đơn không thừa nhận lời trình bày của bị đơn, nên không có cơ sở xem xét chấp nhận lời khai của các bị đơn và người liên quan. Tại biên bản hoà giải ngày 15/9/2020 trong vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn là bà D với bị đơn là bà H và ông T về số nợ vay 550.000.000 đồng ông T trình bày: *Ông không đồng ý trả nợ bà D số tiền 550.000.000 đồng vì ông không biết số nợ này và bà Hồng không có vay nợ của bà D. Ông chỉ đồng ý cùng bà H trả 92.000.000 đồng cho bà D.* Từ những chứng cứ trên có căn cứ xác định bà H còn thiếu số nợ gốc vay là 92.000.000 đồng như lời trình bày của bà Lê Huỳnh Kim D là có căn cứ.

Bà D yêu cầu các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải liên đới thanh toán số nợ vốn vay là 92.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi, yêu cầu này phù hợp với quy định tại các Điều 288, 463, 466 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Do đó cần buộc các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải thanh toán số nợ gốc vay cho bà Lê Huỳnh Kim D số tiền 92.000.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án (92.000.000 đồng x 5% = 4.600.000 đồng). Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 288, 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Lê Huỳnh Kim D đối với bà Võ Thị Ánh H, Lê Thị Hồng C, Lê Hoài N và ông Lê Văn T.

Buộc bà Võ Thị Ánh H, Lê Thị Hồng C, Lê Hoài N và ông Lê Văn T phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả nợ gốc vay cho bà Lê Huỳnh Kim D số tiền 92.000.000 đồng (Chín mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Võ Thị Ánh H, Lê Thị Hồng C, Lê Hoài N và ông Lê Văn T phải liên đới chịu 4.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước. Bà Lê Huỳnh Kim D không phải chịu án phí, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí bà Dung đã nộp là 2.300.000 đồng, theo biên lai thu số 0000622 ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát huyện;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn)

(Đã Ký)

Phạm Văn Thái